

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 7 - 2020
V/v ly hôn giữa chị T và anh Q

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Lịch

Ông Trần Văn Phong

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Tự - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T – Sinh năm: 1983 (vắng mặt)

ĐKHHTT: Xóm, thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ hiện nay: Đội, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Đặng Đức Q – Sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm, thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Đặng Đức Q đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 12 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Q có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi

nhau, mặc dù đã được gia đình bạn bè khuyên giải nhưng anh Q không nghe. Từ tháng 7/2013 chị và anh Q đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Đức Q;

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Đặng Thu T, sinh ngày 25/7/2002; Đặng Phương H, sinh ngày 07/02/2005 và Đặng Đức P, sinh ngày 06/6/2011, hiện nay các cháu T và H đang ở với anh Q, cháu P ở với chị T. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu P cho chị trực tiếp nuôi và giao các cháu T và H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Chị và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau;

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Đức Q đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh Q không đến cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Tại biên bản làm việc ngày 12/6/2020 của Tòa án với gia đình anh Q, anh Đặng Đức T là em trai của anh Q cung cấp: Anh Đặng Đức Q và chị Phạm Thị T đăng ký kết hôn tại xã N vào cuối năm 1999. Quá trình anh Q và chị T chung sống không hạnh phúc do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, từ năm 2013 anh Q và chị T đã sống ly thân. Anh Q vẫn làm ăn (lái xe ô tô thuê), sinh sống tại xóm , thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, còn chị T về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh Q và chị T có 03 con chung là cháu Đặng Thu T, cháu Đặng Phương H và cháu Đặng Đức P, hiện 02 cháu lớn ở với anh Q, cháu nhỏ ở với chị T. Nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh Q, anh không có ý kiến gì vì đó là việc riêng của anh chị ấy. Anh đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh Q và giao tận tay cho anh Q, việc anh Q không đến Tòa làm việc với lý do gì anh không biết.

Tại phiên tòa:

Chị T và anh Q đều vắng mặt;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn (chị T) đã thực hiện đúng; bị đơn (anh Q) đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và Anh Đặng Đức Q

2. Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Đặng Thu T, sinh ngày 25/7/2002 và cháu Đặng Phương H, sinh ngày 07/02/2005 cho anh Đặng Đức Q tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đặng Đức P, sinh ngày 06/6/2011 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; chị T và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Anh Đặng Đức Q đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa 02 lần hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1983 và anh Đặng Đức Q, sinh ngày 09/3/1982 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền vào ngày 19/12/1999 là đúng. Nhưng tại thời điểm đăng ký kết hôn cả hai đều chưa đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 luật hôn nhân gia đình nên đây là hôn nhân không hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn chị T và anh Q chung sống hạnh phúc thời gian dài, có con chung, đến năm 2012 mới phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2013. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, để tiếp tục chung sống với anh Q được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Q ly hôn. Như vậy, tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án chị T và anh Q đã đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình, nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật giải quyết việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo yêu cầu của chị T là có căn cứ.

Anh Đặng Đức Q biết được việc Tòa án thụ lý vụ án, giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị T, nhưng anh không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ anh đã có ý thức bỏ mặc không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng chung sống đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung.

Xét thấy, Cuộc hôn nhân giữa chị T và anh Q không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn anh Đặng Đức Q của chị Phạm Thị T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh Q có 03 con chung, hiện hai cháu lớn ở với anh Q, cháu nhỏ ở với chị T. Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế,

đề nghị của đương sự, nguyện vọng của các con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Anh Q và chị T đều có nơi ở cụ thể, lao động tại địa phương, có cuộc sống ổn định, quá trình chung sống các cháu T, H có nguyện vọng ở với bố, cháu P có nguyện vọng ở với mẹ, thể hiện việc chăm sóc của anh Q và chị T đối với các con rất tốt. Khi ly hôn chị T đề nghị tiếp tục giao cháu Đặng Thu T, sinh ngày 25/7/2002 và cháu Đặng Phương H, sinh ngày 07/02/2005 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đặng Đức P, sinh ngày 06/6/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Chị T và anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa Phạm Thị T và anh Đặng Đức Q;

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao cháu Đặng Đức P, sinh ngày 06/6/2011 cho chị Phạm Thị T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đặng Thu T, sinh ngày 25/7/2002 và cháu Đặng Phương H, sinh ngày 07/02/2005 cho anh Đặng Đức Q tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T và anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc, trông nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai số 0001130, ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T và anh Đặng Đức Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

Nguyễn Thị Ánh